

Bản án số: 116/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 08-5-2024

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thành

Bà Nguyễn Thị Bích

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2024/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 63/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08/4/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Triệu Thị X**, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: **Bản D, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.**

2. Bị đơn: Anh **Dương Văn T**, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Nơi thường trú cuối cùng ở **Việt Nam: Bản D, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang** (Hiện anh **T** đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị **Dương Thị H**, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Địa chỉ: **Bản D, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị **Triệu Thị X** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị và anh **T** được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa

phương, có đăng ký kết hôn ngày 20/11/2012 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng về mọi mặt của cuộc sống, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng nên chị và anh T không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Dương Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Dương Huy K, sinh ngày 25/9/2017, hiện đang sống cùng với chị gái anh T là chị Dương Thị H. Nay vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng để anh T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu K. Do anh T đang lao động ở nước ngoài nên chị đề nghị tạm giao cháu K cho chị Dương Thị H nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi anh T về nước. Lý do chị không nhận nuôi con chung vì hiện tại chị làm nghề tự do, không có công việc cũng như thu nhập ổn định để nuôi con, chị không có chỗ ở nên chị không thể chăm sóc con tốt được, bên cạnh đó cháu K đã sống cùng với chị H từ năm 2019 cho đến nay, cháu đã quen với việc nuôi dạy, chăm sóc cũng như môi trường sống, chị H đảm bảo chăm sóc cho cháu K tốt. Để đảm bảo cho con chị được phát triển tốt nhất, không bị xáo trộn về cuộc sống nên chị đề nghị Tòa án giao con chung cho anh T và chị gái anh T nuôi dưỡng để con chung có điều kiện phát triển hơn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị X trình bày: Do công việc bận nên chị không thể đến Tòa án để tham tố tụng nên chị đề nghị vắng mặt trong các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án nói trên.

Anh Dương Văn T là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Dương Thị H trình bày: Chị X và anh T kết hôn năm 2012 có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chị X và anh T chung sống với nhau không hòa thuận, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã đến năm 2019 anh T đi lao động tại nước ngoài, chị X bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống cho đến nay. Về con chung: Chị X và anh T có 01 con chung là cháu Dương Huy K, sinh ngày 25/9/2017. Hiện cháu K sống cùng với chị từ năm 2019 cho đến nay.

Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, chị đã thông báo cho anh T biết nhưng anh T không gửi văn bản trình bày ý kiến về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và từ chối cung cấp địa chỉ hiện tại của anh T tại nước ngoài do tính chất công việc của anh T nên địa chỉ làm việc không cố định. Anh T có trao đổi với chị, anh T có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Dương Huy K và đề nghị tạm giao cháu K cho chị H nuôi dưỡng trong thời gian anh T ở nước ngoài. Chị

H đồng ý với ý kiến của anh T, đề nghị Tòa án giao cháu K cho anh T nuôi dưỡng và tạm giao cháu K cho chị H nuôi dưỡng trong thời gian anh T ở nước ngoài.

Ngoài ra, chị H trình bày do chị bận công việc nên chị không thể đến Tòa án để tham tố tụng nên chị đề nghị vắng mặt trong các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án nói trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Triệu Thị X, chị Dương Thị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Dương Văn T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Triệu Thị X, biên bản lấy lời khai, biên bản làm việc với chị Dương Thị H và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chị Triệu Thị X có đơn xin xét xử vắng mặt, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Dương Văn T không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 106, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

Về hôn nhân: Cho chị Triệu Thị X được ly hôn anh Dương Văn T.

Về nuôi con chung: Giao cháu Dương Huy K, sinh ngày 25/9/2017 cho anh Dương Văn T nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, nhưng tạm giao cháu Dương Huy K cho chị Dương Thị H nuôi dưỡng trong thời gian anh T ở nước ngoài.

Về án phí: Chị Triệu Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị X đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị **Triệu Thị X** khởi kiện xin ly hôn anh **Dương Văn T** và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Anh **T** hiện đang ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài. Theo Công văn số: 6240/QLXNC-P3 ngày 28/3/2024 của **Cục Q - Bộ C** cung cấp, anh **T** xuất nhập cảnh 05 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 12/12/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vụ án có bị đơn anh **T** hiện nay đang ở nước ngoài, nơi thường trú cuối cùng của anh **T** ở **Việt Nam tại: bản D, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang**, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về việc vắng mặt của đương sự:

Đối với nguyên đơn: Chị **Triệu Thị X** có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị **Triệu Thị X**.

Đối với bị đơn anh **Dương Văn T**: Căn cứ theo lời khai của nguyên đơn, chị **H** (là chị gái anh **T**), Hội đồng xét xử xác định nơi cư trú cuối cùng của anh **T** trước khi xuất cảnh ở **bản D, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang**. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho anh **T** thông qua người thân của anh **T** là chị **Dương Thị H** (chị gái anh **T**) và đề nghị chị **H** thông báo cho anh **T** biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý, giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa nguyên đơn là chị **Triệu Thị X** và bị đơn là anh **Dương Văn T**. Chị **H** cho biết anh **T** vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh **T** không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh **T** tại nước ngoài. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Triệu Thị X** và anh **Dương Văn T** kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 20/11/2012 tại **Ủy ban nhân dân xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang**. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng chị **X**, anh **T** phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị **X** xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh **Dương Văn T**.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị **Triệu Thị X** đối với anh **Dương Văn T**. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị **X** và anh **T** chung sống với nhau không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã không thể hàn gắn được nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, chị **X** và anh **T** không còn quan tâm, không còn liên lạc với nhau nữa. Ngoài ra, chị gái anh **T** là chị **H**

cũng xác định vợ chồng chị X, anh T có mâu thuẫn nên vợ chồng chị X, anh T đã sống ly thân từ năm 2019 và hiện nay không còn liên lạc, không còn quan tâm đến nhau nữa. Do đó, Hội đồng xét xử xác định vợ chồng chị X, anh T không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị X đối với anh T, xử cho chị Triệu Thị X được ly hôn anh Dương Văn T như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[4]. Về nuôi con chung: Chị X và anh T có 01 con chung là cháu Dương Huy K, sinh ngày 25/9/2017. Sau khi ly hôn chị X có nguyện vọng để anh T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu K và đề nghị tạm giao cháu K cho chị Dương Thị H nuôi dưỡng trong thời gian anh T ở nước ngoài. Chị H (chị gái anh T) trình bày đồng ý nuôi dưỡng cháu K trong thời gian anh T ở nước ngoài.

Xét yêu cầu của chị X, Hội đồng xét xử thấy: Chị X và anh T sống ly thân từ năm 2019, cháu K sống cùng với chị Dương Thị H (chị gái anh T) từ khi chị X và anh T ly thân đến nay, cháu phát triển bình thường cả về thể chất lẫn tinh thần. Ngoài ra, chị X trình bày chị không nuôi dưỡng con chung vì chị làm nghề tự do, không có công việc cũng như thu nhập ổn định và chỗ ở. Do vậy, điều kiện nuôi con chung của chị X là không đảm bảo. Mặt khác, anh T mặc dù không có lời khai nhưng thông qua liên lạc của chị H (chị gái anh T) anh T đồng ý nuôi dưỡng cháu K nhưng tạm giao cháu K cho chị H nuôi dưỡng trong thời gian anh ở nước ngoài. Chị H đồng ý nuôi cháu K trong thời gian anh T ở nước ngoài. Nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 81, Điều 106 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị X. Giao cháu K cho anh T nuôi dưỡng sau khi ly hôn đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Nhưng tạm giao cháu K cho chị Dương Thị H nuôi dưỡng trong thời gian anh T ở nước ngoài là phù hợp quy định pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của cháu K.

Sau khi ly hôn chị X không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị X thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị X, anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản, công nợ chung: Chị X không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị Triệu Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[8]. Về quyền kháng cáo:

Chị **Triệu Thị X**, chị **Dương Thị H** đang ở trong nước vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh **Dương Văn T** đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 106, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị **Triệu Thị X** được ly hôn anh **Dương Văn T**.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu **Dương Huy K**, sinh ngày 25/9/2017 cho anh **Dương Văn T** nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, nhưng tạm giao cháu **Dương Huy K** cho chị **Dương Thị H** nuôi dưỡng trong thời gian anh **T** ở nước ngoài.

Sau khi ly hôn chị **Triệu Thị X** không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở chị **X** thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị **Triệu Thị X** phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001020 ngày 01/02/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị **Triệu Thị X** đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị **Triệu Thị X**, chị **Dương Thị H** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh **Dương Văn T** có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Canh Nậu, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu Hiền

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Thành Nguyễn Thị Phú

Hoàng Thị Thu Hiền